

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 43/2017/LHST

Ngày 27-11-2017

V/v: Tranh chấp HNGĐ.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông Phạm Đức Toàn

2- Bà Hoàng Thị Phụng

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên
tòa:*** Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 142/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2017 về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu H** - SN 1973

ĐKKH: Khu tập thể Công ty cổ phần C - Chi nhánh T - ngách 25 Đ, đường T, tổ 18, phường T, thành phố T, tỉnh T.

Chỗ ở: Số nhà 14, đường 06, khu dân cư P, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh **Bùi Đức Q** - SN 1960

ĐKKH và chỗ ở: Khu tập thể Công ty cổ phần C - Chi nhánh T - ngách 25 Đ, đường T, tổ 18, phường T, thành phố T, tỉnh T.

(Chị H có mặt, anh Q vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ chị Lê Thị Thu H cung cấp và có yêu cầu cụ thể sau:*

Chị và anh Bùi Đức Q tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T vào ngày 06/01/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của hai người không hòa hợp nên thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần anh Q còn lăng mạ và còn nghi ngờ chị có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, chị H đã giải thích cho anh Q hiểu, nhưng anh Q vẫn có những thái độ, cách cư xử thiếu văn hóa với chị, chị H thấy mệt mỏi và đã tự bỏ về sống cùng với mẹ đẻ ở số nhà 14, đường 06, khu dân cư P, phường Q, thành phố T, tỉnh T. từ năm 2014 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh Bùi Đức Q.

** Về con chung:* Chị và anh Bùi Đức Q có hai con chung là Bùi Bích P - SN 27/11/1995 hiện nay con P đã trưởng thành, tự lập được về kinh tế và Bùi Thị Phương A - SN 28/7/2002 đang học lớp 10 trường N, thành phố T. Hiện nay hai con đang ở với chị.

Ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thị Phương A và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 11/2017 đến khi con tròn 18 tuổi. Con Bùi Bích P đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên chị không đề nghị giải quyết.

** Về tài sản:* Trong quá trình chung sống chị và anh Bùi Đức Q không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay tài sản gì của ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, của bị đơn anh Bùi Đức Q trình bày và có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T vào ngày 06/01/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng và các con sinh sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa anh và Chị H không có tiếng nói chung, không hòa hợp nên thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Vì vậy anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 12/2014 đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý vì khi anh và chị H ly hôn thì anh không muốn các con anh phải chịu nỗi bất hạnh và lời tri ân của bố mẹ anh đã quá cố dặn dò “*Dù cuộc sống có thế nào đi chăng nữa các con không được bỏ nhau*” đây là truyền thống của gia đình, dòng họ từ bao đời nay.

** Về con chung:* Anh và chị Lê Thị Thu H có hai con chung là: Bùi Bích P - SN 27/11/1995 hiện nay con P đã trưởng thành, tự lập được về kinh tế và Bùi Thị Phương A - SN 28/7/2002, hiện đang học lớp 10 trường N, thành phố T. Hiện nay hai con đang ở với chị H.

Nếu chị H quyết tâm ly hôn anh, anh cũng có nguyện vọng được nuôi con, nhưng chị H nguyện vọng muốn nuôi con Bùi Thị Phương A thì anh chấp nhận và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Phương Anh cùng chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 11/2017 đến khi con tròn 18 tuổi.

Con Bùi Bích P đã trên 18 tuổi, đã có công ăn việc làm ổn định nên anh không đề nghị giải quyết.

** Về tài sản:* Trong quá trình chung sống anh và chị Lê Thị Thu H không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay tài sản gì của ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 01/11/2017 tại Công ty cổ phần C - Chi nhánh T; ông Phạm Quốc H - Phó Giám đốc Chi nhánh cung cấp:*

Hiện nay anh Bùi Đức Q đang sinh sống tại khu tập thể chi nhánh của Công ty cổ phần C từ khoảng năm 1998 đến nay. Trong thời gian anh Q, chị H cùng công tác và sinh sống ở đây. Khoảng năm 2000 anh Q và chị H có thời gian về ở cùng với mẹ đẻ chị H là bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Khu dân cư P, phường Q, thành phố T, tỉnh T. Đến tháng 12/2014 thấy anh Q lại về ở khu tập thể của Công ty một mình từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng dẫn đến chị H có đơn xin ly hôn thì chúng tôi không được biết vì thời gian anh chị sống tại khu tập thể Công ty không thấy có biểu hiện gì mâu thuẫn. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Q. Vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết theo quy định.

** Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ Chị H) trình bày:*

Anh Q và chị H có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn, sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc. Nhưng đến khoảng tháng 12/2014 thì anh Q và chị H có những mâu thuẫn căng thẳng, nghi ngờ nhau về quan hệ bất chính và anh Q có những lời lẽ lăng mạ, đánh đập chị H trước mặt bà, bà có khuyên bảo nhưng anh Q còn xúc phạm bà. Tháng 12/2014 thì anh Q đã ra ở riêng tại khu tập thể Công ty cổ phần C từ đó cho đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Q, bà không có ý kiến gì, bà tôn trọng ý kiến của anh Q và chị H quyết định.

Anh Q và chị H có về chung sống tại gia đình tôi thời gian ngắn, anh chị không đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình tôi và cũng không tu sửa gì.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều tuân thủ theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng: Điều 147; Điều 203; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự
- Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84
Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 26, 27, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 24, 27 Pháp
lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử cho Chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Đức Q.

- Giao con Bùi Thị Phương A - SN 28/7/2002 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp
nuôi dưỡng. Anh Bùi Đức Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.000.000 đồng/1
tháng kể từ tháng 11/2017 đến khi con Phương A tròn 18 tuổi.

Anh Bùi Đức Q có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, có quyền
yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi xét
thấy cần thiết.

Con Bùi Bích P đã trưởng thành, có khả năng lao động không bị mắc
bệnh về thể chất và tâm thần nên không đặt ra giải quyết.

3- *Về tài sản*: Các đương sự không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Lê Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ
thẩm. Anh Bùi Đức Q phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại
phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại
phiên tòa, nhưng anh Bùi Đức Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy
Tòa án xét xử trong trường hợp có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Đức Q
được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian sống hạnh phúc và sinh được hai
con chung, đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên
nhân do bất đồng quan điểm sống thường hay cãi chửi nhau, xúc phạm nhau,
mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không cải thiện được cuộc sống hôn
nhân của anh chị. Chị H đã sống ly thân với anh Q từ tháng 12/2014 đến nay,
anh chị không còn quan tâm và sống chung với nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn,
anh Q cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nhưng không đồng ý ly
hôn, lý do anh Q đưa ra là vì khi anh chị ly hôn thì các con của anh phải chịu nỗi
bất hạnh và lời tri ân của bố mẹ anh Q đã quá cố “*Dù cuộc sống có thế nào đi
chăng nữa các con không được bỏ nhau*” đây là truyền thống của gia đình, dòng
họ từ bao đời nay, không phải anh Q xin đoàn tụ vì muốn hàn gắn gia đình và

cải thiện cuộc sống để tạo dựng hạnh phúc gia đình. Xét việc hôn nhân giữa chị H và anh Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, hai người đã sống ly thân nhiều năm, không còn quan tâm và chung sống với nhau nữa. Vì vậy cần áp dụng điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn theo yêu cầu một bên đối với chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Đức Q.

* Về con chung: Anh Bùi Đức Q và chị Lê Thị Thu H có hai con chung là: Bùi Bích P - SN 27/11/1995 và Bùi Thị Phương A - SN 28/7/2002.

- Con Bùi Bích P đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

- Con Bùi Thị Phương A tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2017 có nguyện vọng xin được ở với mẹ và đang ở với chị H nguyện vọng được nuôi con Phương A và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 11/2017 đến khi con Phương A tròn 18 tuổi.

Anh Q đề nghị nếu chị H trực tiếp nuôi con Phương A, anh cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 11/2017 đến khi con tròn 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng. Nay tại phiên tòa chị xét thấy đề nghị của anh Q đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con Bùi Thị Phương A mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp và chị đồng ý mức cấp dưỡng của anh Q đưa ra.

Xét thấy: Hiện con Bùi Thị Phương A đang ở cùng với chị H và căn cứ vào nguyện vọng của con và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, để đảm bảo cho con phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận việc thỏa thuận của anh Q và chị H. Giao con Bùi Thị Phương A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2017 đến khi con tròn 18 tuổi.

* Về tài sản: Chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Đức Q không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay tài sản gì, anh Q, chị H không có yêu cầu. Do đó HĐXX không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Chị Lê Thị Thu H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Bùi Đức Q phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 147; Điều 203; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 24; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho Lê Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Đức Q.

2- *Về con chung*:

- Con Bùi Bích P đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

- Giao con Bùi Thị Phương A - SN 28/7/2002 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 11/2017 đến khi con tròn 18 tuổi.

Anh Bùi Đức Q có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, anh chị có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi xét thấy cần thiết.

3- *Về tài sản*: Anh Bùi Đức Q và chị Lê Thị Thu H không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Lê Thị Thu H phải nộp 300.000, đồng án phí ly hôn sơ thẩm (*Chuyển số tiền thu tạm ứng án phí tại biên lai số 0006668 ngày 05/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình*) sang thành án phí. Anh Q phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Chị Lê Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2017); anh Bùi Đức Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Thái Bình.
- UBND p. T, TP T;
- Người TGTT khác.
- Lưu HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Xuân Huyền

